

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/KDTM-ST
Ngày 29/6/2017
Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiếu

2. Bà Trần Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải tham gia phiên tòa:

Bà Đoàn Thị Sớm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLST- KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp SH.

Địa chỉ: Số 7, phố Đ, phường B, thành phố Thái Bình.

Người đại diện: Ông Vũ Ngọc L – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bị đơn: Anh Đào Minh V và chị Đoàn Thị S.

Địa chỉ cư trú: Thôn ĐH, xã NH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình tố tụng và trước khi mở phiên tòa, ông Vũ Ngọc L trình bày:

Do mối quan hệ từ trước nên tháng 3 năm 2011 anh Đào Minh V và vợ là chị Đoàn Thị S có đến Công ty cổ phần NG nay là Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật Nông nghiệp SH (gọi tắt là Công ty) làm đơn để mở cửa hàng bán sản phẩm vật tư nông nghiệp tại thôn Đông Hào, xã NH, huyện Tiền Hải được Công ty chấp nhận. Tuy với danh nghĩa Công ty mở cửa hàng, anh V, chị S là người bán hàng nhưng giữa Công ty và vợ chồng anh V ký

hợp đồng kinh tế số 10 ngày 15/02/2011 và hợp đồng kinh tế số 01 ngày 27/7/2011 với nội dung Công ty là bên bán hàng, vợ chồng anh V là người mua hàng, việc giao hàng và trả tiền thông qua Sở đại lý.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, số hàng anh V chị S không bán được trả về Công ty đã được ký bàn giao và được trừ đi số tiền mua hàng, hết chu kỳ kinh doanh đều được hai bên đối chiếu dư nợ. Đến tháng 9 năm 2011 Công ty thấy vợ chồng anh V chị S có biểu hiện chây ì, tuy bán được hàng nhưng không thanh toán tiền mua hàng nên Công ty đã dừng bán hàng, đòi tiền hàng và tiền lãi của khoản tiền hàng còn nợ. Anh V chị S nhận nợ, cam kết trả nợ nhiều lần nhưng không trả. Đến ngày 07/7/2016 anh V đã ký xác nhận nợ với Công ty là 232.748.202 đồng trong đó gồm tiền mua hàng 137.592.850 đồng và tiền lãi tính đến ngày 07/7/2016 là 95.155.352 đồng.

Ngày 10/8/2016 Công ty đã làm đơn gửi Công an huyện Tiền Hải trình bày nội dung vụ việc, Công an huyện Tiền Hải đã hướng dẫn Công ty khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án. Tại đơn khởi kiện Công ty yêu cầu anh V chị S phải trả số tiền là 232.748.202 đồng.

Tại phiên tòa, ông Vũ Ngọc L yêu cầu anh V chị S phải trả tiền mua hàng là 134.495.000đồng và số tiền lãi 41.148.000đồng (lãi suất tính trên số tiền nợ hàng là 9%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 23/11/2013 là ngày anh V trả tiền hàng cuối cùng đến ngày 14/4/2016 là ngày hòa giải tại Tòa án).

Trong quá trình tố tụng trước khi xét xử, anh Đào Minh V trình bày:

Vào năm 2011 ông Vũ Ngọc L là Chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty NG có đề nghị vợ chồng anh chị mở cửa hàng phục vụ phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho bà con nông dân. Anh chị đã làm đơn mở cửa hàng có xác nhận của Công ty và Ủy ban nhân dân xã NH. Hình thức kinh doanh là hàng hóa do Công ty cung ứng, cửa hàng bán trả chậm cho bà con nông dân. Có những thời điểm Công ty cho nhân viên xuống cửa hàng để thu tiền, đầu vụ vợ chồng anh bán và thanh toán tiền cho Công ty. Lợi nhuận vợ chồng anh được hưởng là phần chênh lệch giữa giá nhập của Công ty và giá bán. Nhập hàng có hóa đơn và khi thanh toán tiền cho Công ty thì có hóa đơn và biên lai. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty dồn hàng cho vợ chồng anh, khi chưa vào thời vụ thì Công ty đã tính lãi, có những sản phẩm nhập lần 1 chưa bán được thì Công ty đã nâng giá lên lần 2 trong khi hàng vẫn còn tồn đọng trong kho. Tất cả những văn bản do Công ty xuất trình tại Tòa án có chữ ký của anh là do anh ký. Anh không chấp nhận yêu cầu của Công ty, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Trước khi xét xử, chị Đoàn Thị S trình bày: Chị xuất thân từ công nhân của Công ty Nicotex do ông Vũ Ngọc L là giám đốc. Khi ông L nghỉ hưu mở Công ty riêng có cho vợ chồng anh chị mở cửa hàng tại Tiền Hải kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật. Hợp đồng ký kết giữa anh chị và Công ty do Công ty soạn thảo. Do không hiểu biết kinh doanh nên chồng chị đã ký vào hợp đồng. Mặc dù Công ty đã thỏa thuận cho vợ chồng chị mở đại lý cấp 1 nhưng phía Công ty vẫn đưa hàng xuống địa bàn Tiền Hải bán dẫn đến cửa hàng anh chị không bán được hàng. Hàng tồn nhiều chị đã yêu cầu Công ty xuống nhập lại nhưng Công ty không xuống nhập lại hàng vẫn tính lãi hàng tồn đến bây giờ. Theo biên bản kiểm kê số 04 ngày 07/8/2011 giá trị hàng tồn là 20.431.000 đồng. Những lần vợ chồng anh chị ký văn bản nhận nợ là do vợ chồng ông L đe dọa và nguyên rủa vợ chồng chị. Công ty là bên đã đưa vợ chồng anh chị vào cảnh nợ nần nên phía cửa hàng anh chị và Công ty không nợ nần gì nhau. Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, anh V chị S chấp nhận chấp nhận trả tiền mua hàng còn nợ là 134.495.000 đồng, về khoản tiền lãi anh chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

a) Về thủ tục tố tụng:

-Thủ tục thụ lý vụ án: Theo đơn khởi kiện, chứng cứ kèm theo và lời trình bày của các bên đương sự tại Tòa án thì giữa Công ty Cổ phần NG nay là Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật Nông nghiệp SH và anh Đào Minh V có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa là thuốc bảo vệ thực vật. Các bên đương sự đều có đăng ký kinh doanh, anh V mua hàng của Công ty cổ phần NG để bán lại cho bà con nông dân để hưởng lãi, mục đích của hợp đồng ký kết giữa Công ty Cổ phần NG và anh V đều có mục đích lợi nhuận. Công ty Cổ phần NG đổi tên thành Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật Nông nghiệp SH, không thay đổi và quyền và nghĩa vụ đã được giao dịch trước đó nên Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải thụ lý vụ án Tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng:

Trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty cổ phần NG có ra Quyết định thành lập điểm bán hàng tại xã NH, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình do chị Đoàn Thị S làm nhân viên bán hàng nhưng nội dung có quy định Công ty không chịu trách nhiệm về khoản

lỗi, lỗi. Anh Đào Minh V đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, anh là người trực tiếp ký hợp đồng kinh tế với Công ty NG. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty có chiết khấu một số mặt hàng, song đối chiếu với nội dung của Đại lý thương mại quy định tại mục 4 Luật thương mại là chưa thỏa mãn là hợp đồng đại lý. Xét thấy nội dung tranh chấp trong vụ án là việc thực hiện hợp đồng số 10 và số 01 giữa các bên đương sự thỏa mãn quy định về mua bán hàng hóa theo nội dung tại chương II Luật thương mại nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật Nông nghiệp SH khởi kiện anh Đào Minh V và chị Đoàn Thị S. Trong quá trình làm việc tại Tòa án anh V chị S đều công nhận anh chị là vợ chồng và chị S còn cho rằng chị là nhân viên bán hàng của Công ty cổ phần NG, ngoài ra chị S còn ký trong một số giấy nhận nợ, anh V là chủ hộ kinh doanh cá thể trong đăng ký dinh doanh, vì vậy anh Đào Minh V và chị Đoàn Thị S là bị đơn trong vụ án theo quy định tại Điều 25, 27 Luật Hôn nhân gia đình và khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự

- Thời hiệu khởi kiện:

Theo tài liệu được thu thập trong vụ án thì Công ty cổ phần NG và anh Đào Minh V đã chấm dứt việc mua bán hàng hóa từ ngày 03/8/2011, sau đó anh V nhiều lần thanh toán tiền mua hàng và cam kết trả nợ. Ngày 07/7/2016 Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật Nông nghiệp SH và anh Đào Minh V đã lập biên bản xác nhận công nợ, nên thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại từ ngày 07/7/2016 theo quy định tại Điều 157 Bộ luật dân sự, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

b) Về nội dung:

Ngày 15 tháng 02 năm 2011 Công ty cổ phần NG và anh Đào Minh V đã ký hợp đồng kinh tế số 10/HĐKT có nội dung bên bán hàng là Công ty cổ phần NG, bên mua hàng là anh Đào Minh V. Trong hợp đồng ghi nhận tên hàng, số lượng, đơn giá, chất lượng sản phẩm, điều kiện giao nhận và phương thức thanh toán...

Tại Điều 4 của hợp đồng ghi nhận thời hạn thanh toán từ 15 đến 30 ngày của từng giấy biên nhận giao hàng và hóa đơn VAT và ghi nhận tỷ lệ thưởng và quy định mức phạt tính lãi trên số tiền còn nợ lại sau kỳ thanh toán từ ngày thứ 01 đến ngày thứ 30 tính lãi 0,7%/ ngày, từ ngày thứ 31 trở đi là 0,8%/ngày và dừng cấp hàng. Sau đó ngày 27/7/2011 Công ty cổ phần NG và anh Đào Minh V ký kết hợp đồng số 01/HĐKT có thay đổi phương thức thanh toán trả tiền trước khi nhận hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty cổ phần NG đã cập nhật đầy đủ hóa đơn, chứng từ mua bán, sổ giao hàng có chữ

ký của bên mua và bên bán, Công ty cũng nhiều lần chốt nợ với anh V , trong đó có lần chị S cũng ký và cam kết trả nợ nhưng đến nay anh chị chưa thanh toán đầy đủ, số tiền nợ hàng Công ty yêu cầu anh V chị S phải trả tại phiên tòa phù hợp với các chứng từ, hóa đơn và Sổ đại lý các bên đã ký nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V chị S yêu cầu Công ty phải trừ đi số hàng còn tồn trị giá 20. 341.000 đồng. Qua kiểm tra chứng từ trong hồ sơ có biên bản kiểm kê thể hiện số hàng còn lại trong kho trị giá như trên nhưng không có tài liệu thể hiện Công ty nhập lại số hàng trên. Anh V chị S là người quản lý, nay anh chị yêu cầu công ty trừ trị giá số hàng trên nhưng không có căn cứ chứng minh. Tại phiên tòa anh V chị S chấp nhận thanh toán toàn bộ số tiền nợ hàng (trong đó có cả số hàng tồn kho) mà Công ty yêu cầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty SH, buộc anh anh V chị S phải trả Công ty SH số tiền hàng còn nợ là 134.945.000đồng.

Về lãi suất: Tại phiên tòa Công ty SH yêu cầu anh V chị S phải thanh toán tiền lãi của số tiền chậm trả là 9%/năm thời điểm từ ngày 07/7/2016 đến ngày 14/4/2016. Xét mức lãi suất này thấp hơn lãi suất chậm trả quy định tại Điều 306 Luật thương mại nên chấp nhận nên buộc anh chị phải trả tiền lãi là 41.148.000đồng cho Công ty SH.

Án phí: Yêu cầu của Công ty SH được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Trả lại Công ty SH số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Đào Minh V và chị Đoàn Thị S phải chịu toàn bộ án phí. Do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn, hiện nuôi 4 con nhỏ, bản thân anh V ốm đau, anh chị đã viết đơn xin miễn giảm án phí có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã NH nên giảm 50% của số tiền án phí của nghĩa vụ phải thanh toán.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 30; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 157 Bộ luật dân sự ; Điều 25, 50, 55, Điều 306 Luật thương mại; Điều 25, 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật Nông nghiệp SH đối với anh Đào Minh V và chị Đoàn Thị S. Buộc anh Đào Minh V và chị Đoàn Thị S phải trả Công ty Cổ phần vật tư kỹ thuật Nông nghiệp SH tổng số tiền 176.093.000đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm chín trăm chín mươi ba nghìn đồng).

2. Về án phí: Anh Đào Minh V và chị Đoàn Thị S phải chịu số tiền án phí là 4.402.000 đồng (bốn triệu bốn trăm linh hai nghìn đồng).

Công ty Cổ phần cổ phần vật tư kỹ thuật Nông nghiệp SH được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.818.000 đồng (năm triệu tám trăm mười tám nghìn đồng) theo biên lai số 0008229 ngày 03/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày Công ty SH có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng anh V, chị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan TÁH huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Thương Huyền